TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26 – 4 – 2023
V/v "Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hoàng Khởi

2. Ông Võ Sĩ Hùng

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Trần Đình Chưởng, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Tiết Ánh Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2023 về việc "Tranh chấp của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Chị **Mai Thị Z**, sinh năm: 1985. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã AX, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Quốc T**, sinh năm: 1980. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã AX, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Mai Thị Z trình bày quan điểm và xác định yêu cầu như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Quốc T chung sống với nhau vào năm 2005, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống chị và anh T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không khắc phục được. Chị và anh T đã ly thân và không còn sống chung nhà từ năm 2015 đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Quốc T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Chí K, sinh ngày 24/12/2005, đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị Z yêu cầu nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Đối với anh Nguyễn Quốc T: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và thông báo cho anh T đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; nhiều lần triệu tập anh T đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh T vẫn không đến Tòa án theo thông báo, triệu tập của Tòa án, cũng không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của anh về các vấn đề liên quan đến quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung giữa anh và chị Mai Thị Z.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị Mai Thị Z và anh Nguyễn Quốc T là vợ chồng.

+ Về con chung: Đề nghị giao con chung của chị Z và anh T cho chị Z nuôi dưỡng.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Mai Thị Z và anh Nguyễn Quốc T chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Nay chị Z xin ly hôn anh T. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Anh T cư trú tại thành phố C nên Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý giải quyết. Anh T được triệu tập đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử nhiều lần nhưng anh T vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T theo quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị Z xác định chị và anh T không đăng ký kết hôn nhưng chị Z không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của chị là có căn cứ. Anh T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, cũng không có ý kiến gửi Tòa án trình bày quan điểm của anh về những vấn đề liên quan đến quan hệ hôn nhân của anh và chị Z. Để có căn cứ giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật, Tòa án đã tiến hành thu thập thông tin đăng ký kết hôn của chị Mai Thị Z và anh Nguyễn Quốc T tại Ủy ban nhân dân xã AX, thành phố C (nơi chị Z và anh T đăng ký thường trú). Tại Công văn số 40/UBND ngày 09/3/2023 của Ủy ban nhân dân xã AX, thành phố C xác định: Qua kiểm tra tàng thư hộ tịch (đăng ký kết hôn) lưu tại Uỷ ban nhân dân xã AX từ năm 2005 đến cuối

năm 2022, không tìm thấy tàng thư đăng ký kết hôn của chị Mai Thị Z và anh Nguyễn Quốc T. Do đó có căn cứ xác định chị Mai Thị Z và anh Nguyễn Quốc T không đăng ký kết hôn. Do quan hệ hôn nhân của chị Z và anh T đã vi phạm về việc đăng ký kết hôn được quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và Gia đình nên không có giá trị pháp lý, không được công nhận là vợ, chồng.

[3] Về con chung: Chị Z xác định chị và anh T có 01 người con chung tên Nguyễn Chí K, sinh ngày 24/12/2005, đang sống chung với chị Z. Chị Z yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Cháu K có nguyện vọng sống với chị Z khi chị Z và anh T ly hôn. Anh T đã được Toà án thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng đến thời điểm này anh T vẫn không có ý kiến phản đối những thông tin liên quan đến con chung của anh và chị Z. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận thông tin do chị Z cung cấp là chị Z và anh T có 01 người con chung tên Nguyễn Chí K, sinh ngày 24/12/2005. Đồng thời chấp nhận yêu cầu của chị Z, giao con chung của chị Z và anh T cho chị Z trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Z không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh T không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Chị Z xác định không có. Anh T không có ý kiến về tài sản chung. Không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị Z xác định không có. Anh T không có ý kiến về nợ chung. Không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Chị Z là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ khoản 7 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1 - Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Mai Thị Z và anh Nguyễn Quốc T.

2 - Về con chung: Giao cháu Nguyễn Chí K, sinh ngày 24/12/2005 cho chị Mai Thị Z trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Quốc T không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3 - Về tài sản chung: Các đương sự không ai yêu cầu nên không xem xét.

4 - Về nợ chung: Không ai yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

5 - Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Mai Thị Z phải chịu 300.000đ. Ngày 30/12/2022 chị Z đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C (biên lai số 0002677) được đối trừ chuyển thu nộp ngân sách Nhà nước.

6 - Về quyền kháng cáo: Chị Z có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố C;
- THADS thành phố C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ; Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Ngọc Hân